

PHẦN BỐN. SINH HỌC CƠ THỂ

Chương II. CẢM ỨNG

B. CẢM ỨNG Ở ĐỘNG VẬT

TUẦN 27 – TIẾT 31, 32. Chủ đề “TẬP TÍNH CỦA ĐỘNG VẬT”

I. Khái niệm về tập tính

- Tập tính là chuỗi những phản ứng của động vật trả lời kích thích từ môi trường, nhờ đó động vật thích nghi với môi trường sống và tồn tại.

II. Phân loại tập tính

- Tập tính bẩm sinh là loại tập tính sinh ra đã có, được di truyền từ bố mẹ đặc trưng cho loài. Ví dụ: Nhện giăng tơ, tranh giành con cái, chăm sóc con non, di cư, vị tha, thứ bậc...

- Tập tính học được là tập tính được hình thành trong quá trình sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm. Ví dụ: Chó nghiệp vụ phát hiện ma túy, thuốc nổ; động vật làm xiếc (Chó, khi, cá heo...).

V. Một số dạng tập tính phổ biến ở động vật

Dạng TT	Vai trò đối với động vật	Ví dụ
1. TT kiếm ăn	- Tìm kiếm thức ăn để sinh tồn.	- Hổ rượt đuổi mồi, gà mổ thức ăn.
2. TT bảo vệ lãnh thổ	- Bảo vệ nguồn thức ăn, nơi ở và sinh sản.	- Chó sói đánh dấu lãnh thổ bằng nước tiểu...
3. TT sinh sản	- Duy trì nòi giống.	-Ếch đực kêu gọi con cái...
4. TT di cư	- Tránh thời tiết bất lợi, cạn kiệt thức ăn hoặc vào mùa sinh sản.	- Chim én di cư vào mùa xuân, cá hồi di cư từ biển vào sông để trứng...

VI. Ứng dụng những hiểu biết về tập tính của động vật vào đời sống sản xuất

- Dạy chim, thú làm xiếc, chó nghiệp vụ, làm bù nhìn đuổi chim, gọi trâu về chuồng...

- Tập tính học được chỉ có ở người: Học tập, giữ vệ sinh cá nhân và môi trường, tập thể dục, kiểm chế cảm xúc, tuân thủ luật pháp và đạo đức...

Chương III. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN

A. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT

TUẦN 29 – TIẾT 34. SINH TRƯỞNG Ở THỰC VẬT

II. Sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp

1. Các mô phân sinh:

- Mô phân sinh là nhóm các tế bào chưa phân hóa, duy trì được khả năng nguyên phân.

- Các loại mô phân sinh:

- + Mô phân sinh đỉnh (ở cây 1 và 2 lá mầm).
- + Mô phân sinh bên (ở cây 2 lá mầm).
- + Mô phân sinh lông (ở cây 1 lá mầm).

2. Sinh trưởng sơ cấp và sinh trưởng thứ cấp

	Sinh trưởng sơ cấp	Sinh trưởng thứ cấp
<i>Khái niệm</i>	- Là sinh trưởng của thân và rễ cây theo <u>chiều dài</u> .	- Là sinh trưởng của thân cây theo <u>chiều ngang</u> .
<i>Cơ chế</i>	- Do hoạt động của <u>mô phân sinh đỉnh</u> và <u>mô phân sinh lông</u> .	- Do hoạt động của <u>mô phân sinh bên</u> , tạo ra gỗ lõi, gỗ dác và vỏ.
<i>Lớp TV</i>	- Cây <u>1 lá mầm</u> , <u>2 lá mầm</u> .	- Chủ yếu cây <u>2 lá mầm</u> .

TUẦN 29 – TIẾT 35. HOOCMÔN THỰC VẬT

I. Khái niệm:

1. Khái niệm: Hoocmôn thực vật là các chất hữu cơ do thực vật tiết ra, có tác dụng điều tiết hoạt động sống của cây.

2. Đặc điểm chung:

- Được tạo ra ở một nơi nhưng gây phản ứng ở một nơi khác trong cây.
- Với nồng độ rất thấp gây ra những biến đổi mạnh trong cơ thể.
- Tính chuyên hóa thấp hơn nhiều so với hoocmôn ở động vật bậc cao.

II. Các loại hoocmôn:

Nhóm hoocmôn	Tên hoocmôn	Vai trò	
		Mức tế bào	Mức cơ thể
<i>Kích thích</i>	Auxin	Kích thích nguyên phân và sinh trưởng dài của mỗi tế bào.	Tham gia nhiều hoạt động sống như hướng động, ứng động, kích thích nảy mầm, ra rễ phụ, thể hiện tính ưu thế đỉnh...
	Gibêrelin	Tăng số lần nguyên phân và sinh trưởng dài của mỗi tế bào.	Kích thích nảy mầm, sinh trưởng chiều cao, tạo quả không hạt...
	Xitôkinin	Kích thích phân chia tế bào, làm chậm quá trình già của tế bào.	Kích thích sự hình thành chồi trong nuôi cấy mô thực vật.
<i>Ức chế</i>	Êtilen	Ức chế phân chia tế bào, làm chậm quá trình già của tế bào.	Thúc quả chóng chín, rụng lá...
	Axit abxixic	Ức chế phân chia tế bào.	Gây trạng thái ngủ của chồi, của hạt, làm khí khổng đóng.

TUẦN 30 – TIẾT 36. PHÁT TRIỂN Ở THỰC VẬT CÓ HOA

I. Phát triển là gì?

- Phát triển ở thực vật là toàn bộ những biến đổi diễn ra theo chu trình sống, bao gồm 3 quá trình: Sinh trưởng, phân hóa và phát sinh hình thái tạo nên các cơ quan (rễ, thân, lá, hoa, quả).

II. Những nhân tố chi phối sự ra hoa

- Tuổi của cây, nhiệt độ thấp và quang chu kì, hoocmôn ra hoa.

III. Mối quan hệ sinh trưởng và phát triển

- Sinh trưởng gắn với phát triển và phát triển trên cơ sở của sinh trưởng.

Ví dụ: + Quá trình tăng về chiều cao của cây cà chua từ 9 lá đến 14 lá → là quá trình sinh trưởng.

+ Trong quá trình sinh trưởng đó đã phát sinh thêm 5 lá và cụm hoa là cấu trúc mới → là kết quả của sự phân hóa → là quá trình phát triển.

- Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình liên quan với nhau, đó là hai mặt của chu trình sống của cây.

TUẦN 30 – TIẾT 37. Chủ đề “SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT”: Tiết 1. SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT

I. Khái niệm sinh trưởng và phát triển ở động vật

- Sinh trưởng của cơ thể động vật là quá trình tăng về kích thước của cơ thể do tăng số lượng và kích thước của tế bào.

- Phát triển ở động vật là quá trình biến đổi bao gồm: sinh trưởng, phân hóa và phát sinh hình thái các cơ quan và cơ thể.

- Sinh trưởng và phát triển của động vật có thể trải qua biến thái hoặc không qua biến thái.

- Biến thái là sự thay đổi đột ngột về hình thái, cấu tạo và sinh lí của động vật sau khi sinh ra hoặc nở từ trứng ra.

- Dựa vào biến thái phân chia phát triển của động vật thành các kiểu sau:

+ Phát triển không qua biến thái: Người, khỉ...

+ Phát triển qua biến thái:

- Phát triển qua biến thái hoàn toàn: Bướm, ruồi, ếch...

- Phát triển qua biến thái không hoàn toàn: Châu chấu, cào cào...

TUẦN 31 – TIẾT 38. Chủ đề “SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT”: Tiết 2. CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN SINH TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN Ở ĐỘNG VẬT

I. Nhân tố bên trong

1. Các hoocmon ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật có xương sống

Hoocmôn	Tuyến tiết	Vai trò
Sinh trưởng	Tuyến yên	Kích thích phân chia tế bào, tăng kích thước tế bào. Kích thích phát triển xương.

Hoocmôn	Tuyến tiết	Vai trò
<i>Tirôxin</i>	Tuyến giáp	Kích thích chuyển hóa tế bào. Kích thích quá trình sinh trưởng và phát triển bình thường của cơ thể.
<i>Ostrôgen</i>	Buồng trứng	Kích thích sinh trưởng và phát triển mạnh ở giai đoạn dậy thì nhờ: + Tăng phát triển xương. + Kích thích phân hóa tế bào để hình thành các đặc điểm sinh dục phụ thứ cấp Riêng testosterôn còn làm tăng mạnh tổng hợp prôtêin, phát triển mạnh cơ bắp.

II. Các nhân tố bên ngoài

1. Thức ăn: (Ảnh hưởng mạnh nhất)

- Ví dụ: Thiếu prôtêin → Động vật chậm lớn, gầy yếu, dễ mắc bệnh; Thiếu vitamin D → Bệnh còi xương.

2. Nhiệt độ:

- Ví dụ: Trời rét → Động vật chậm lớn, dễ bị bệnh; Nhiệt độ $< 18^{\circ}\text{C}$ → Cá rô phi ngừng lớn, ngừng đẻ.

3. Ánh sáng:

- Ví dụ: Tia tử ngoại tác động lên da biến tiền vitamin D → vitamin D (Chuyển hóa canxi để hình thành xương).

* Ở người: Các tác nhân như ma túy, rượu, thuốc lá, điôxin... làm chậm quá trình sinh trưởng và phát triển của phôi thai người, gây nên dị tật ở trẻ sơ sinh.

**LƯU Ý: ĐỀ KIỂM TRA CÓ PHẦN KIẾN THỨC LIÊN HỆ THỰC TIỄN
CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT VÀ LÀM BÀI TỰ TIN NHÉ!**